TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2025/HS-ST
Ngày: 16 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trí Tuân
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Lâm
Ông Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc L - Thư ký, Toà án nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Triệu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2025/TLST - HS ngày 19 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2025/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

L, sinh năm 1984 tại xã LS, huyện TT; nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn Đoàn Kết, xã LS, huyện TT, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Hùng (đã chết) và bà Nguyễn Thị Điệp; có vợ và 03 con (Con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 022 do Công an huyện TT lập ngày 20/01/2025; tạm giữ, tạm giam: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

* Bị hại: Anh Th, sinh năm 1972; Có đơn xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 8, phường B, thành phố Hà Nội.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị H, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Đoàn Kết, xã LS, huyện TT, thành phố Hà Nôi. Có mặt.

* Người làm chứng:

- Ông M, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Đoàn Kết, xã LS, huyện TT, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- Anh L, sinh năm 1993; Chị Th, sinh năm 1994 và anh H, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: Thôn Đoàn Kết, xã LS, huyện TT, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2018, ông M, sinh năm 1962, trú tại thôn Đoàn Kết, xã LS, huyện TT, thành phố Hà Nội có giới thiệu anh Th, sinh năm 1972, trú tại tổ 8, phường B, thành phố Hà Nội hợp tác làm việc với anh L, sinh năm 1984, trú tại thôn Đoàn kết, xã LS, huyện TT, thành phố Hà Nội. Anh Th thuê L làm công việc sản xuất gia công đồ gỗ nội thất để anh Th đi hoàn thiện các công trình. Anh Th cung cấp tiền cho L mua đồ gỗ để sản xuất, hoàn thiện các công trình do anh Th giao cho. Do không có địa điểm sản xuất, anh Th nhờ L thuê xưởng để chứa nguyên liệu gỗ và các sản phẩm sau khi sản xuất, tiền thuê do anh Th đưa cho L chi trả. L liên hệ thuê một kho xưởng có địa chỉ tại thôn Đoàn Kết, xã LS, huyện TT, thành phố Hà Nội của ông Nguyễn Văn Cường, sinh năm 1966 trú tại thôn Đoàn Kết, xã LS, huyệ TT, thành phố Hà Nội làm địa điểm sản xuất các mặt hàng và chứa nguyên liệu gỗ.

Khoảng tháng 2 năm 2019 một số công trình của anh Th hoàn thiện có dư thừa gỗ, tận dụng xưởng do L thuê nên nhiều lần anh Th chuyển gỗ ván sàn thành phẩm tập kết tại xưởng gồm: 57 tấm ván gỗ sàn loại gỗ đỏ kích thước chiều dài 90cm, dày 1,9cm, chiều rộng từ 8,5cm đến 15cm; 2121 tấm ván gỗ loại gỗ Chiu liu kích thước chiều dài từ 45cm đến 68cm, dày từ 1,3cm đến 2cm, chiều rộng 6cm đến 55cm; 25 tấm ván sàn gỗ loại gỗ xoan đào kích thước chiều dài 90cm, dày từ 1,4cm đến 1,6cm, chiều rộng từ 9cm đến 12cm; 93 tấm ván sàn gỗ loại gỗ óc chó kích thước chiều dài từ 40cm đến 180cm, dày 1,6cm, chiều rộng 15cm; 8 hộp ván sàn gỗ loại gỗ óc chó kích thước chiều dài 202cm, dày 1,5 cm, chiều rộng 20cm. Anh Th giao cho L chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ tài sản của anh Th tại kho xưởng nếu mất tài sản L sẽ phải chịu trách nhiệm, nếu chuyển kho phải báo cho anh Th biết, không được tự ý chuyển tài sản đi khi chưa được sự đồng ý của anh Th. Ngoài ra anh Th giao chìa khóa xưởng cho ông M mỗi khi cần lấy nguyên liệu gỗ thì ông M được phép mở kho.

Đến tháng 3 năm 2019, anh Th không giao cho L gia công sản xuất các sản phẩm nội thất hoàn thiện công trình nên L không làm thuê cho anh Th nữa. L tính toán tiền công các công trình đã sản xuất, gia công đồ gỗ cho anh Th, xác định anh Th còn nợ L số tiền khoảng 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). L nhiều lần gọi cho anh Th đòi tiền tuy nhiên anh Th không đồng ý với số tiền đó vì cho rằng L tính toán chưa đúng, nên chưa thanh toán cho L. L nảy sinh ý định khi anh Th không có mặt ở xưởng sẽ chuyển toàn bộ gỗ của anh Th về nhà L với mục đích giữ tài sản gây sức ép để anh Th phải thanh toán tiền công thì mới trả tài sản cho anh Th.

Khoảng 09 giờ ngày 14/8/2019, L nói với H, sinh năm 1993, trú tại thôn Đoàn Kết, xã LS, huyện TT, Hà Nội (là vợ của L) đến xưởng thuê của anh Cường chuyển gỗ về nhà thì Hương đồng ý. L thuê 01 (Một) người đàn ông lái xe ba gác cùng 02 (Hai) nam thanh niên bốc vác chở gỗ. L nhờ thêm L, sinh năm 1993 (em họ L), đều trú tại thôn Đoàn Kết, xã LS, huyện TT, thành phố Hà Nội đến kho xưởng thuê của ông Cường để chở toàn bộ số ván sàn gỗ trên của anh Th mang về nhà L. Trong quá trình L cùng mọi người chuyển gỗ, ông M đi đến phát hiện L chuyển gỗ của anh Th đi không rõ lý do, ông M có yêu cầu gia đình L không được chuyển gỗ của anh Th đi nhưng L cùng mọi người vẫn tiếp tục chuyển gỗ. Ông M thông báo cho anh Th biết sự việc. Anh Th liên lạc gọi điện Thoại cho ông M nhờ đưa máy cho gia đình L để nói chuyện, anh M đưa máy cho Hương nghe thì anh Th nói: "Tại sao lại chuyển ván sàn của chú, cứ để gỗ ván sàn ở đấy" thì Hương nói: "Chúng cháu chuyển kho" và tắt máy. Anh Th có nhắn tin vào số của Hương với nội dung yêu cầu gia đình L phải chuyển trả lại gỗ vào kho xưởng nếu không sẽ tìm đánh L và Hương. Tuy nhiên L vẫn tiếp tục cho mọi người chuyển toàn bộ số gỗ ván trên về nhà L. Do bức xúc về việc L chiếm giữ tài sản nên anh Th đã gửi đơn trình báo Công an huyện TT. Sau đó anh Th và L đã chốt lại số tiền công anh Th còn nợ là 46.755.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), anh Th đã thanh toán tiền công cho L và L đã trả lại toàn bộ số ván gỗ giữ ngày 14/8/2019 cho anh Th.

Tại kết luận định giá tài số 72 ngày 04/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TT kết luận: Tổng giá trị các tài sản (gồm tất cả loại gỗ Chiu liu, Gõ đỏ, Óc chó, Xoan đào nêu trong vụ án) tại thời điểm xảy ra vụ việc là: 108.078.000 đồng (Một trăm linh tám triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 59/CT-VKS-TT ngày 14/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT truy tố bị cáo L về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng nêu. Do xuất phát từ việc anh Th chưa thanh toán xong tiền công trong khoảng thời gian bị cáo làm cho anh Th nên khoảng 9 giờ 00 phút ngày 14/8/2019 lợi dụng việc anh Th không có mặt ở xưởng bị cáo đã chuyển toàn bộ số gỗ của anh Th để ở trong xưởng mà trước đó anh Th nhờ bị cáo thuê xưởng với mục đích gây sức ép để anh Th trả tiền công cho bị cáo. Việc chuyển gỗ từ xưởng về nhà bị cáo có vợ bị cáo, các em của bị cáo và một số người khác bị cáo thuê nhưng không nhớ tên tuổi ở đâu. Những người chuyển gỗ giúp bị cáo không biết số gỗ đó là của anh Th cũng không rõ mục đích của bị cáo lấy số gỗ đó. Bị cáo rất ân hận về hành vi của mình, do thiếu hiểu biết về pháp luật và chỉ muốn nhanh chóng lấy lại tiền công nên bị cáo mới có hành vi như vậy. Sau khi phạm tội thì anh Th đã trả tiền công cho bị cáo và lấy lại toàn bộ số gỗ nên bị báo muốn thông qua

phiên tòa gửi lời xin lỗi đến anh Th. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ nhất hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sữa chữa lỗi lầm của mình.

Bị hại là anh Th vắng mặt tại phiên tòa có đơn xét xử vắng mặt với nội dung: Anh đã nhận lại được số tài sản mà bị cáo L trộm cắp của anh cũng như anh đã thanh toán xong tiền công với bị cáo. Nay anh không đề nghị bị cáo L phải bồi thường dân sự gì cho anh. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo L có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của mình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện TT trình bày luận tội giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố L về tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo L từ 30 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiện dân sự: Do bị hại không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và đến thời điểm tòa án xét xử thì bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp vật chứng vụ án, bản kết luận định giá, lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Do mâu thuẫn xuất phát từ việc anh Th chưa thanh toán tiền công cho bị cáo L khi bị cáo còn làm việc cho anh Th nên khoảng 09 giờ 00 phút ngày 14 tháng 8 năm 2019, bị cáo L lợi dụng anh Th vắng mặt tại xưởng gỗ ở thôn Đoàn Kết, xã LS, huyện TT, thành phố Hà Nội nên đã chuyển toàn bộ 2.296 tấm ván gỗ loại gỗ Chiu liu, Óc chó, Xoan đỏ, Gỗ đỏ nhiều kích thước và 08 hộp ván sàn gỗ loại gỗ Óc chó, mỗi hộp kích thước (20x20x1,5x202)cm có tổng giá trị là 108.078.000 đồng về nhà bị cáo với mục đích giữ tài sản, gây sức ép để anh Th trả tiền công cho bị cáo.

Như vậy, hành vi lợi dụng việc bị hại không có mặt tại xưởng bị cáo đã lén lút

chuyển toàn bộ số gỗ với giá trị 108.078.000 đồng ra khỏi xưởng mà bị hại đang thuê mang về nhà bị cáo với mục đích đòi tiền công đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo L theo tội danh và viện dẫn điều luật là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang trong nhân dân. Do vậy, cần có mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo để giáo dục bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết tặng nặng: Bị cáo L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại đã nhận được tài sản và có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm; bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng. Mặt khác, xét về nguyên nhân dẫn đến vụ án này bị hại cũng có một phần trách nhiệm khi chậm trễ trong việc thanh toán tiền công (diễn ra từ tháng 3 năm 2019 đến tháng 8 năm 2019) cho bị cáo. Bởi lẽ bị cáo là người lao động và lấy tiền công là nguồn sống của mình và gia đình nhưng khi được thông báo bị hại chưa thực sự dứt khoát trong việc giải quyết dứt điểm vụ việc dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo, tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự quản lý, giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ tác dục giáo dục bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và trở thành người tốt.

[4]. Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì ngoài hình phạt chính còn quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy bị cáo L là lao động tự do và đang là lao động chính trong gia đình nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5]. Đối với H tại thời điểm Hương cùng L chuyển tài sản của anh Th về nhà thì Hương chưa biết mục đích của L muốn giữ tài sản của anh Th để gây sức ép trả tiền. Xét thấy hành vi của Hương không đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản"

quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình Sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Đối với L, Th và H khi được L nhờ vận chuyển tài sản của anh Th về nhà L thì Liên, Thu và Hoàng không biết mục đích của L và L cũng không nói cho Thu, Liên và Hoàng biết. Xét thấy hành vi của Liên, Thu và Hoàng không đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điều 173 Bộ Luật Hình sự, Cơ quan Cản sát tra không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Đối với người lái xe ba gác và hai người bốc vác khi được L thuê để vận chuyển tài sản, L không biết nhân thân cụ thể của những người này và L không nói cho những người này biết mục đích chuyển tài sản. Xét thấy hành vi của người lái xe ba gác và hai người bốc vác không đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về bồi thường dân sự: Bị hại đã nhận được toàn bộ tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo bồi thường về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Về xử lý vật chứng của vụ án: Không

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **L** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã LS giáo dục, Công an xã LS, huyện TT, thành phố Hà Nội giám sát trong thời gian thử thách của án treo (Theo khoản 4, khoản 5 Điều 10 Thông tư liên tịch số 02/2025/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 27/02/2025 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao).

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Căn cứ các Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan của bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND; CQTHA HS huyện TT;
- CCTHADS huyện TT;
- Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Trí Tuân